

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
-----***-----

CHU THỊ HOÀNG GIANG

**TỪ NGỮ HƠN MỘT DẠNG CHÍNH TẢ ĐƯỢC
THỪA NHẬN TRONG TIẾNG VIỆT**

LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ HỌC

Chuyên ngành: Ngôn ngữ học

Mã số: 60.22.11

Người hướng dẫn khoa học: TS. Hoàng Cao Cương

THÁI NGUYÊN - 2011

LỜI CẢM ƠN

- Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành sâu sắc tới TS. Hoàng Cao Cương, người đã giúp đỡ tôi trong suốt quá trình làm luận văn.

- Xin cảm ơn các thầy cô khoa Sau đại học, khoa Ngữ văn, đặc biệt là các thầy cô trong tổ Tiếng Việt của trường ĐHSPTN đã giúp đỡ, đóng góp ý kiến quý báu cho tôi trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện luận văn.

- Tôi xin cảm ơn các thành viên trong lớp cao học k17 đã giúp đỡ tôi rất nhiều trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

- Và, tôi gửi lời biết ơn chân thành đến gia đình, bạn bè, người thân đã động viên, chia sẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt thời gian học tập nghiên cứu.

- Cuối cùng, tôi xin cam đoan đây là công trình do tôi dưới sự hướng dẫn của tiến sĩ ngôn ngữ học Hoàng Cao Cương tự tìm hiểu và nghiên cứu.

Thái Nguyên, ngày 5 tháng 08 năm 2011

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Chu Thị Hoàng Giang

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	
1. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI	
2. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ	
3. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU	
4. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ CỦA LUẬN VĂN	
5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	
Chương 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT	
1.1. Dẫn nhập	1
1.2. Chữ viết	1
1.2.1. Vai trò của chữ viết	1
1.2.2. Văn tự trước thời Quốc ngữ	5
1.2.3. Xuất xứ của chữ Quốc ngữ	6
1.2.4. Lợi thế của chữ Quốc ngữ	8
1.2.5. Các hạn chế của chữ Quốc ngữ	10
1.2.6. Nguyên nhân của các hạn chế của chữ Quốc ngữ.....	12
1.2.7. Tính độc lập tương đối của chữ viết	16
1.3. Hệ ngữ âm của tiếng Việt.....	20
1.3.1. Cấu trúc âm tiết	21
1.3.2. Âm đầu	22
1.3.3. Âm cuối	23
1.3.4. Âm chính.....	23
1.3.5. Âm đệm	24
1.3.6. Thanh điệu	24
1.4. Chuẩn mực hóa và Chính tả	25
1.4.1. Chuẩn hóa ngôn ngữ	25
1.4.2. Tầng chức năng trong tiếng Việt.....	26
1.4.3. Nghịch lí chính tả Quốc ngữ	28
1.4.4. Phân loại hiện tượng chính tả tiếng Việt.....	36
1.5. Tiểu kết.....	41
Chương 2: TỪ NGỮ CÓ HƠN MỘT DẠNG CHÍNH TẢ ĐƯỢC THỪA NHẬN (TNCT)	
2.1. Dẫn nhập	42
2.2. Thủ tục.....	43

2.2.1. Thu thập và tập hợp dữ liệu TNCT	43
2.2.2. Xử lí TNCT	44
2.3. Phân tích và nhận xét	45
2.3.1. Tổng quan.....	45
2.3.1.1. Khái quát chung	45
2.3.1.2. Vai trò C1	47
2.3.1.3. Vai trò R.....	48
2.3.1.4. Vai trò T	51
2.3.1.5. Vai trò W.....	52
2.3.2. Các vùng trội trong sản sinh TNCT	53
2.3.2.1. Vùng cấu âm trội ở C1	53
2.3.2.2. Các dạng trội theo V	56
2.3.2.3. Vùng trội của T	62
2.3.3. Các nhận xét khác	63
2.4. Tiểu kết.....	66
Chương 3: THỬ TÌM MỘT GIẢI PHÁP CHO TNCT	
3.1 Dẫn nhập	67
3.2 Nguyên nhân chính của hiện tượng chính tả.....	68
3.2.1. Từ phương diện lịch sử	68
3.2.2. Từ phương diện tiếng địa phương	72
3.2.3. Từ phương diện phong cách.....	74
3.2.4. Từ phương diện ngữ nghĩa - từ vựng học	80
3.2.5. Phương diện thẩm mĩ và thói quen	80
3.3 Giải pháp khắc phục.....	81
3.3.1. Hình thức chữ viết và nghĩa của từ	81
3.3.2. Qui ước của bộ chữ	83
3.3.3 Chính tả do thói quen – kí tự.....	85
3.3.4 Chính tả trong nhà trường phổ thông	86
3.4. Tiểu kết.....	87
KẾT LUẬN	

MỞ ĐẦU

1. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Trong nhiều cuốn từ điển tiếng Việt hiện hành nhiều khi ta gặp những trường hợp chính tả có nhiều hình thức thể hiện (HTCT). Chẳng hạn như:

trôi giạt/ trôi dạt

giòng nước/ dòng nước

sum suê/ xum xuê

dối dăng/ giới giảng/ trối trắng

rập rờn/ giập giòn/ dập dòn

chây lười/ trây lười...

nhăm nheo/ giăn gieo/ răn reo/ dăn deo ...

Những hiện tượng tương tự đã tồn tại từ lâu và khá phổ biến. Có nhiều trường hợp dễ hiểu, có thể suy ra được nghĩa của từ, nhưng có những trường hợp rất khó hiểu và dường như không hiểu được.

Trải qua biết bao nhiêu biến cố lịch sử, Việt Nam đã chịu nhiều sự áp bức, đô hộ của nhiều quốc gia như: Trung Quốc, Nhật, Pháp, Mỹ... Chính điều đó khiến cho nước ta chịu ảnh hưởng của nhiều nền văn hóa, đặc biệt là sự xâm nhập của các ngôn ngữ nước ngoài vào Việt Nam. Chúng ta cũng đã vay mượn khá nhiều từ ngữ của nước ngoài, điển hình là đất nước phong kiến Trung Quốc. Ngày nay đất nước ta ngày càng phát triển, chúng ta đã mở rộng quan hệ ngoại giao với rất nhiều quốc gia trên toàn thế giới. Người Việt Nam đã tiếp thu và học hỏi được rất nhiều vốn từ ở các nền văn hóa khác nhau. Điều đó khiến cho vốn từ của ta có sự phát triển phong phú hơn, từ ngữ có nhiều cách viết, đa nghĩa.

Đất nước ta bao gồm hơn sáu mươi tỉnh thành trải dài từ Bắc vào Nam, với vị trí địa lý, môi trường sống, phong tục tập quán khác nhau, khiến cho vấn đề phương ngữ trở lên khá phức tạp. Điều đó cũng đã dẫn đến cách sử

dụng ngôn ngữ tiếng Việt khá khác nhau giữa các vùng, đặc biệt là có nhiều cách đọc, cách viết khác nhau về từ ngữ.

Một vấn đề nữa cần nói đến đó chính là: hiện nay một số nhà văn, trong quá trình sáng tác, đã sử dụng khá tùy tiện từ ngữ tiếng Việt, khiến cho nhiều từ bỗng trở lên có nhiều cách viết, nhiều nghĩa.

Hơn thế, trẻ em ở độ tuổi đang tập nói, các em mới chính là những người sử dụng sai chính tả nhiều hơn cả, chủ yếu là cách phát âm, nhầm lẫn giữa các thanh điệu.

Chọn khảo sát chính tả có nhiều hình thức thể hiện. làm đề tài cho luận văn, chúng tôi muốn đi sâu vào tìm hiểu một cách kỹ lưỡng, có chọn lọc về cách sử dụng và một số giải pháp về chuẩn chính tả của từ tiếng Việt.

2. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ

Chữ viết là một hệ thống kí hiệu đồ họa được sử dụng để cố định hóa ngôn ngữ âm thanh. Nếu như ngôn ngữ là hệ thống kí hiệu thì chữ viết là hệ thống kí hiệu của kí hiệu. Chữ viết có quan hệ mật thiết với ngôn ngữ nhưng không thể đồng nhất ngôn ngữ với chữ viết. Người ta không thể biết chữ nhưng vẫn dùng được ngôn ngữ như thường. Về mặt lịch sử, ngôn ngữ xuất hiện cùng với xã hội loài người, trong khi đó cho tới nay nhiều ngôn ngữ vẫn chưa có chữ viết. Con người có mặt trên trái đất hàng chục vạn năm, nhưng mãi đến giai đoạn cao của xã hội loài người mới có chữ viết. Ăngghen đã viết: “Giai đoạn này bắt đầu với việc nấu quặng sắt và chuyển qua thời đại văn minh với việc sáng tạo ra chữ viết có vần và việc sử dụng chữ để ghi lời văn”.

Đối với lịch sử phát triển của xã hội loài người, chữ viết có một vai trò to lớn. Ngôn ngữ cái công cụ giao tiếp của con người, dù sao vẫn có những hạn chế nhất định. Vì vỏ vật chất của ngôn ngữ là âm thanh, do khả năng của tai người là hữu hạn, nên nếu ở xa nhau thì không thể trao đổi thông tin theo hình thức truyền thống, cô xưa là nói - nghe trực tiếp được. Ngay việc nghe -

nói trực tiếp cũng có nhiều hạn chế không khắc phục được: mỗi phát ngôn chỉ được thu nhận vào ngay lúc phát ra, sau đó không còn dấu tích gì nữa. Khi muốn "hồi cố" thông tin, người nghe đành bắt lực. Điều này gây tổn hại cho việc quan sát dòng thông tin liên tục của lịch sử cộng đồng: con người chỉ bằng nghe - nói trực tiếp không có lịch sử theo đúng nghĩa của từ. Nhưng liệu người ta có thể hiểu được lời nói của nhau, khi gặp gián cách về không gian và thời gian, bằng cách truyền miệng? Hiển nhiên là có, nhưng rất hạn chế. Khả năng nhận thức của mỗi người khác nhau và trí nhớ của con người cũng có giới hạn cho nên tình trạng: “ tam sao thất bản” là không thể tránh khỏi. Với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, hiện nay người ta đã dùng điện thoại, vô tuyến,..., nhưng những biện pháp đó không phải là phổ biến, rộng rãi khắp mọi lĩnh vực.

Trong tình hình như vậy, chữ viết có vai trò rất lớn. Vì chữ viết dựa trên ấn tượng về thị giác cho nên có thể vượt qua sự ngăn cản của không gian, thời gian và làm hạn chế hiện tượng “tam sao thất bản”. Nhờ có chữ viết chúng ta mới hiểu được lịch sử của quá khứ nhân loại. Không phải ngẫu nhiên người ta gọi thời kì có chữ viết trong quá trình phát triển của loài người là giai đoạn lịch sử còn thời kì trước đó là tiền sử hay dã sử.

Chữ viết là một sáng tạo kì diệu của con người, nhưng sản phẩm kì diệu đó không phải được đẻ ra một cách dễ dàng mà phải trải qua một quá trình phát triển lâu dài. Tuy nhiên sau một thời gian dài sử dụng, hệ thống chữ viết chắc chắn sẽ có những “bất cập”, những yếu tố lạc hậu, lỗi thời. Trong tình hình đó, nhiệm vụ đặt ra cho các nhà khoa học và chính phủ các nước phải tiến hành cải tiến chữ viết sao cho phù hợp với ngữ âm hiện đại.

Liên quan trực tiếp đến chữ viết là vấn đề chính tả. Chính tả là cách viết chữ được coi là chuẩn, là hệ thống những quy tắc chuyển đạt lời nói sang chữ viết. Nói đến chính tả là nói đến chuẩn chính tả. Nó có tính chất bắt buộc,

tính ổn định, tuy nhiên nó vẫn biến động. Chính vì vậy, trong đời sống hiện đại người ta luôn đặt ra vấn đề chuẩn hóa và cải tiến chính tả.

3. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu trong khuôn khổ luận văn của chúng tôi là: Các trường hợp chính tả tiếng Việt nhiều hình thức thể hiện (chưa khảo sát trường hợp các từ vay mượn nước ngoài gần đây, đặc biệt các từ - từ các tiếng Âu Mỹ).

4. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ CỦA LUẬN VĂN

Để thực hiện được mục đích đã đề ra, luận văn cần giải quyết các vấn đề/ nhiệm vụ sau đây:

- Khảo sát tư liệu về HTCT dựa trên các từ điển tiếng Việt có uy tín.
- Phân loại các hiện tượng này (theo thành phần cấu trúc âm tiết).
- Cố gắng lí giải nguyên nhân dẫn đến HTCT từ nhiều phương diện khác nhau: cấu trúc cũng như dụng học
- Bước đầu tìm những giải pháp cho vấn đề HTCT

5. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong luận văn, các phương pháp khảo sát ngôn ngữ thông thường đã được tận dụng. Đó là: miêu tả, thống kê, phân loại và liên ngành theo hướng cả phân tích lẫn tổng hợp.

6. CẤU TRÚC LUẬN VĂN

Ngoài *Mở đầu*, *Nội dung*, *Kết luận* và các *Phụ lục* đi kèm, luận văn gồm 3 chương nội dung sau đây:

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT

1.1 Dẫn nhập

1.2 Chữ viết

1.2.1 Vai trò của chữ viết

- 1.2.2 Văn tự trước thời Quốc ngữ
- 1.2.3 Xuất xứ của chữ Quốc ngữ
- 1.2.4 Lợi thế của chữ Quốc ngữ
- 1.2.5 Các hạn chế của chữ Quốc ngữ
- 1.2.6 Nguyên nhân của các hạn chế chữ Quốc ngữ
- 1.2.7 Tính độc lập tương đối của chữ Quốc ngữ

1.3 Hệ ngữ âm của tiếng Việt

- 1.3.1 Cấu trúc âm tiết
- 1.3.2 Âm đầu
- 1.3.3 Âm cuối
- 1.3.4 Âm chính
- 1.3.5 Âm đệm
- 1.3.6 Thanh điệu

1.4 Chuẩn mực hóa và chính tả

- 1.4.1 Chuẩn hóa ngôn ngữ
- 1.4.2 Tầng chức năng trong tiếng Việt
- 1.4.3 Nghịch lí chính tả của chữ Quốc ngữ
- 1.4.4 Phân loại hiện tượng chính tả

1.5 Tiểu kết

CHƯƠNG 2: TỪ NGỮ CÓ HƠN MỘT DẠNG CHÍNH TẢ ĐƯỢC THỪA NHẬN (TNCT)

2.1. Dẫn nhập

2.2 Thủ tục

- 2.2.1. Thu thập và tập hợp dữ liệu TNCT
- 2.2.2. Xử lí TNCT

2.3. Phân tích và nhận xét

2.3.1. Tổng quan